

VỀ NGUỒN GỐC CÁC TỪ VAY MƯỢN TRONG TIẾNG NGA HIỆN ĐẠI

A SNAPSHOT OF LOAN WORDS IN MODERN RUSSIAN

ĐOÀN HỮU DŨNG

(ThS; Học viện Khoa học quân sự)

Abstract: Loan words are indispensable in the development process of a language and Russian is no exception. However, origins of loan words in each language are different from one another. Loan words in Russian mostly originated from the Slavo language and others such as Greek, Latin, Scandinavian, Italian, German, French, Dutch or English.... This article seeks to provide a snapshot of the origins of loan words in Russian, their usage and influences on Russian-speaking societies.

Key words: loan word; Russian; vocabulary.

1. Từ vay mượn là một bộ phận không thể thiếu được trong vốn từ vựng của bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới nói chung và tiếng Nga hiện đại nói riêng. Ngày nay, việc sử dụng từ vay mượn đã trở thành một trào

lưu không chỉ đối với giới trẻ mà còn phổ biến rộng khắp trong mọi tầng lớp người dân Nga. Đặc biệt, từ khi Liên Xô bắt đầu cải tổ và tan rã, kể đến là sự hình thành Liên bang Nga độc lập có chủ quyền, ở đất nước Nga

đã diễn ra một quá trình thay đổi to lớn trên mọi lĩnh vực. Tất cả những sự thay đổi đó đều có ảnh hưởng và tác động đến ngôn ngữ trên tất cả các bình diện cấu trúc hệ thống, từ ngữ âm, từ vựng đến cấu trúc ngữ pháp. Nhưng bộ phận phản ánh nhạy bén nhất và sâu rộng nhất những biến đổi trong xã hội là vốn từ vựng tiếng Nga. Vốn từ vựng này chịu ảnh hưởng rất sâu sắc làn sóng du nhập các từ vay mượn từ các ngôn ngữ trên thế giới. Cùng với thời gian, vốn từ vay mượn ngày càng được bổ sung và phát triển, góp phần tạo nên tính năng động cho ngôn ngữ Nga. Bài viết sau sẽ chỉ ra một số nguồn gốc du nhập từ vay mượn vào tiếng Nga và một vài nét về cách thức sử dụng chúng trong đời sống xã hội Nga hiện nay.

2. Ngay từ thời xa xưa, Nga đã là một nước có mối quan hệ về văn hóa, thương mại, quân sự, chính trị với nhiều nước trên thế giới nên không thể tránh khỏi quá trình du nhập từ vay mượn vào ngôn ngữ của mình. Trong quá trình du nhập và sử dụng, các từ vay mượn đó từng bước được “Nga hóa” (đồng hóa) và trở thành từ tiếng Nga. Chẳng hạn, các từ như *сахар* (đường), *свекла* (cây củ cải đỏ), *баня* (nhà tắm hơi), v.v. luôn được coi là từ thuần Nga nhưng trên thực tế chúng có nguồn gốc từ tiếng Hi Lạp; các từ khác như *школа* (“trường học”; gốc Latinh), *карандаш* (“bút chì”, gốc Tuyết), *костюм* (“bộ đồng phục”; gốc Pháp) v.v. đã hoàn toàn Nga hóa. Đây chính là cách tự làm giàu vốn ngôn ngữ của tiếng Nga.

Về nguồn gốc, sự du nhập từ mượn vào tiếng Nga có thể được chia ra làm hai loại như sau: 1/ Sự du nhập những từ cùng gốc Xlavơ cổ (đôi khi trong một số loại tài liệu về ngôn ngữ người ta gọi đó là từ Bungari cổ); 2/ Sự du nhập những từ có nguồn gốc khác, như từ tiếng Hi Lạp, tiếng La tinh, tiếng Tuyết, tiếng Xcăngđinavơ, tiếng Tây Âu (như tiếng Italia, tiếng Đức, v.v.).

Về thời gian, sự du nhập từ nước ngoài vào tiếng Nga cũng hoàn toàn khác nhau: Một số từ du nhập vào tiếng Nga từ thời kì còn chung là ngôn ngữ Ấn-Âu; Một số từ du nhập vào tiếng Nga trong thời kì ngôn ngữ chung Xlavơ; Một số khác lại du nhập vào tiếng Nga trong thời kì Đông Xlavơ.

Thứ nhất, sự du nhập từ ngôn ngữ Xlavơ gốc:

Sự du nhập từ ngôn ngữ Xlavơ gốc được phân chia chủ yếu theo thành phần nhóm từ có nguồn gốc từ tiếng Xlavơ cổ. Tuy nhiên trong quá trình làm giàu ngôn ngữ thì sự du nhập của các từ có nguồn gốc từ những gốc từ Xlavơ khác như tiếng Bêlarút, tiếng Ucraina, tiếng Ba Lan, tiếng Xlôvakia ... cũng đóng một vai trò quan trọng.

Tiếng Xlavơ cổ được phổ biến rộng rãi trong nước Nga sau khi có sự du nhập của chế độ Hồi giáo cuối thế kỉ X. Tiếng Xlavơ cổ này xuất phát từ những ngôn ngữ có gốc từ Xlavơ cổ gần giống nhau mà trong một thời gian dài ngôn ngữ đó được sử dụng ở một loạt các quốc gia có sử dụng ngôn ngữ Xlavơ với tính chất là một ngôn ngữ viết được dùng để dịch các sách tiếng Hi Lạp. Các thành phần từ ngôn ngữ Tây và Đông Xlavơ cũng như không ít các từ vay mượn từ tiếng Hi Lạp du nhập vào tiếng Nam Xlavơ là rất hạn chế. Ngay từ ban đầu, ngôn ngữ này đã được sử dụng trước tiên với tính chất của ngôn ngữ nhà thờ (chính vì vậy mà đôi khi nó có tên gọi là ngôn ngữ nhà thờ hay ngôn ngữ Bungari cổ nhà thờ). Ở nhiều nước khác nhau, từ Xlavơ cổ còn sử dụng nhiều đặc điểm của ngôn ngữ địa phương. Trong các văn bản tiếng Nga cổ rất ít khi người ta thấy có sự pha trộn giữa tiếng Xlavơ cổ với tiếng Nga. Điều này chứng minh cho việc tiếng Xlavơ cổ không phải là những từ vay mượn và luôn được phát triển trong tiếng Nga như một từ cùng gốc.

Tiếng Xlavơ cổ có rất nhiều từ du nhập vào trong tiếng Nga, ví dụ như những từ

trong môi trường nhà thờ: *священник* (linh mục), *крест* (cây thánh giá), *жезл* (cây trượng), *жертва* (vật cúng tiến), v.v.; rất nhiều từ có ý nghĩa chỉ các khái niệm trừu tượng như: *власть* (chính quyền), *согласие* (thỏa thuận), *вселенная* (thế giới), *бедствие* (tai nạn), *добродетель* (đạo đức), v.v.

Các từ gốc Xlavơ cổ du nhập vào tiếng Nga theo nhiều cách khác nhau: một số từ trong đó là từ Xlavơ cổ có trong cả ngôn ngữ Xlavơ chung (*враг* “kẻ thù”, v.v.); một số khác lại là từ thuần Xlavơ cổ (*уста*, “miệng”; *перси* “người Ba tư”; *истина* “chân lí”; v.v.); trong khi đó những từ thuần Nga mà đồng nghĩa với những từ trên hiện nay vẫn đang tồn tại (*зубы* “môi”/ “miệng”, *спуду* “ngực”, *правда* “sự thật”, v.v.).

Từ Xlavơ cổ có nhiều dấu hiệu khác so với tiếng Nga hiện nay về mặt cấu trúc ngữ âm, về hình thái học và cả ngữ nghĩa. Chẳng hạn:

Về mặt ngữ âm: 1) không đồng âm hoàn toàn (*врата* - *ворота*; *плен* - *полон*; ...), 2) âm đầu *ра*, *ла* không giống nhau (*равный*, *ладья* - *ровный*, *лодка*), 3) sự kết hợp giữa các phụ âm *жд* hoặc phụ âm *ц* khác nhau (*хождение* - *хожу*, *освещение* - *свеча*, ...), 4) nguyên âm *e* ở đầu từ trước phụ âm cứng cũng có sự khác nhau (*единица* – *один*, *перст* – *наперсток*),

Về mặt hình thái học, dấu hiệu nhận biết sự khác nhau giữa từ Xlavơ cổ và tiếng Nga là các đơn vị cấu tạo từ: 1) tiền tố *воз-* (*воздать*, *возвратить*), *чрез-* (*чремерный*) v.v.; 2) hậu tố *-стви(е)* (*благоденствие*), *-ч(ий)* (*ловчий*), *-знь* (*жизнь*), *-ущ-*, *-ющ-*, *-ащ-*, *-ящ-* (*сведущий*, *тающий*, *лежащий*, *горящий*); 3) những phần đầu tiên của từ ghép: *бogo-*, *добро-*, *зло-*, *грехo-*, *душе-*, *благо-*, v.v. (*богoбoязненный*, *добродетельный*, *злонравие*, *грехопадение*, *душеполезный*, *благословение*).

Những từ gốc Xlavơ cổ còn mang một vài sắc thái riêng. Ví dụ như so với tiếng Nga thì những từ Xlavơ trước tiên được sử dụng trong các loại sách vở dùng cho việc tổ chức tang lễ, giữ được những nét nghĩa riêng, ví dụ như: *увлечь* (tiếng Nga là *уволочь*), *влачить* (tiếng Nga là *волочить*), *страна* (tiếng Nga là *сторона*)...

Thứ hai, sự du nhập từ những gốc không phải là Xlavơ

Ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển của tiếng Nga, ngoài hệ ngôn ngữ Xlavơ còn có một số hệ ngôn ngữ khác cũng du nhập vào tiếng Nga như tiếng Hi Lạp, tiếng La tinh, tiếng Tuyéc, tiếng Xcăngđinavơ, tiếng Tây Âu...

Sự du nhập các từ vay mượn trong ngôn ngữ Hi Lạp vào tiếng Nga bắt đầu từ thời kì còn chung một hệ ngôn ngữ Xlavơ duy nhất. Những từ du nhập đó bao gồm một số từ như *палата*, *блюдо*, *крест*, *хлеб* (*печеный*), *кровать*, *котёл*, ... Sự du nhập đó diễn ra nhiều nhất là ở thời kì từ thế kỉ IX đến hết thế kỉ XI và muộn hơn nữa (thời kì gọi là Đông Xlavơ), gồm các từ nói về tôn giáo (*анафема*, *ангел*, *архиепископ*, *демон*, *митрополит*, *криос*, *лампада*, *икона*, *протоиерей*, *пономарь*,...); các thuật ngữ khoa học (*математика*, *философия*, *история*, *грамматика*,...); các thuật ngữ trong đời sống hàng ngày (*лохань*, *баня*, *фонарь*, *кровать*, *тетрадь*,...); tên các loài động thực vật (*кипарис*, *кедр*, *свекла*, *крокодил*, ...) Muộn hơn là các từ trong lĩnh vực nghệ thuật và khoa học (*хорей*, *анapest*, *комедия*, *мантия*, *стих*, *идея*, *логика*, *физика*, *аналогия*,...). Ngoài ra còn có một số từ vay mượn có nguồn gốc từ tiếng Hi Lạp nhưng lại du nhập vào tiếng Nga thông qua một số ngôn ngữ khác (như tiếng Pháp).

Sự du nhập từ ngôn ngữ La tinh đóng một vai trò đáng kể trong quá trình làm giàu ngôn ngữ tiếng Nga, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội và chính trị. Phần lớn từ La tinh du nhập vào tiếng Nga bắt đầu từ thế kỷ XVI đến hết thế kỷ XVIII, chủ yếu là thông qua tiếng Ba Lan và Ucraina, ví dụ: *школа, аудитория, декан, канцелярия, каникулы, директор, диктан, экзамен*,... Rất nhiều từ có nguồn gốc La tinh tạo thành một nhóm trong hệ thống thuật ngữ quốc tế, ví dụ: *диктатура, конституция, корпорация, лаборатория, меридиал, максимум, минимум, пролетариат, процесс, публика, революция, республика, эрудиция*, ...

Các từ Tuyết du nhập vào tiếng Nga theo nhiều con đường khác nhau. Đây là kết quả của những quan hệ buôn bán hay giao lưu văn hóa và cũng là hậu quả của những cuộc xung đột vũ trang giữa hai dân tộc. Các từ này chủ yếu bao gồm các từ có nguồn gốc từ những ngôn ngữ riêng lẻ như tiếng Avar, tiếng Khagiar, tiếng Petreghec,... ví dụ: *ковыль, тушканчик, жемчуг, кумир, чертог, бисер*,... Trong số các từ Tuyết du nhập vào tiếng Nga chủ yếu là gốc từ Tác-ta. Điều này được giải thích bằng các điều kiện lịch sử (nhiều năm dưới ách đô hộ của chế độ Môn-gô Tác-ta). Đặc biệt là có rất nhiều từ xuất phát từ chiến tranh, từ buôn bán hay từ cuộc sống đời thường, ví dụ: *караван, кобура, курган, изюм, арбуз, таз, утюг, очаг, епанча, шаровары, кушак, тулуп, аришин, бакалея, лапша, чулок, башмак, сундук, халат, туман, кавардак*, ... Các từ du nhập từ gốc từ Tuyết bao gồm hầu hết tên gọi của các loại ngựa hay xe ngựa, ví dụ: *аргамак, чалый, буланный, гнедой, караковый, каурый, бурый*, ...

Các từ du nhập từ gốc từ Xcăngđinavo như tiếng Thụy Điển hay tiếng Na Uy vào tiếng Nga không nhiều lắm. Phần lớn những từ này có trong tiếng Nga từ thời cổ đại. Sự

du nhập các từ này vào trong tiếng Nga chủ yếu thông qua con đường buôn bán. Tuy nhiên nó không chỉ là những từ có trong lĩnh vực buôn bán mà nó còn có trong lĩnh vực hàng hải và cuộc sống đời thường. Điều đó giải thích cho sự có mặt của những tên riêng như: *Игорь, Олег, Рюрик*, ... hay những từ riêng lẻ kiểu như: *сельдь, ларь, пуд, крюк, якорь, ябеда, плис, кнут, мачта*, ...

Các từ du nhập từ ngôn ngữ Tây Âu vào tiếng Nga tạo nên một trong những nhóm có số lượng nhiều nhất (sau mỗi nhóm tiếng Xlavo cổ). Trong suốt những năm từ thế kỷ XVII đến XVIII (gắn với công cuộc cải cách của Pi-ôt Đại đế), các từ có nguồn gốc thuộc dòng ngữ hệ Giéc-man (như tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Hà Lan) hay thuộc dòng ngôn ngữ Rô-man (như tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha) đều đóng một vai trò quan trọng trong thấy.

Tiếng Đức bao gồm một số từ trong lĩnh vực buôn bán, quân sự, đời thường và các từ có trong lĩnh vực nghệ thuật, khoa học, .v.v. như: *вексель, итемпель, ефрейтор, лагерь, штаб, галстук, итилеты, верстак, стамеска, фуганок, шпинат, мольберт, каренмейстер, ландшафт, курорт*, ... Tiếng gốc Hà Lan bao gồm một số từ dùng trong lĩnh vực hàng hải như: *буер, верфь, вымпел, гавань, дрейф, лоцман, матрос, рейд, флаг, флот*, ...

Sự du nhập tiếng Pháp vào tiếng Nga chủ yếu từ thế kỷ XVIII–XIX, bao gồm các từ trong ngôn ngữ đời thường như: *браслет, гардероб, жилет, пальто, трико, бульон, мармелад, котлета, туалет*, ... cũng như các từ trong lĩnh vực quân sự, nghệ thuật như: *аката, артиллерия, баталон, гарнизон, канонада; актер, афиша, пьеса, режиссер*, ...

Tiếng Ý du nhập vào tiếng Nga chủ yếu trong lĩnh vực âm nhạc (*ария, аллегро, либретто, тенор, браво, буффонада, соната, карнавал, каватина*, ..), trong

ngôn ngữ đời sống hàng ngày (*вермишель, макароны, гондола*,...). Số lượng từ du nhập từ tiếng Tây Ban Nha vào tiếng Nga là không đáng kể (ví dụ: *серенада, кастаньеты, гитара, мантилья, каравелла, карамель, сигара, томат*, ...). Số lượng từ du nhập vào tiếng Nga từ tiếng Phần Lan (*морж, пельмени, пугра*, ...) và tiếng Hunggari (*бекеша, хутор*, ...) là rất ít.

Trong số các từ du nhập có nguồn gốc Tây Âu vào tiếng Nga thì tiếng Anh chiếm số lượng lớn nhất. Trước thế kỉ XIX cũng đã có một số từ tiếng Anh trong lĩnh vực hàng hải du nhập vào tiếng Nga (*мичман, бот, брик*, ...) nhưng phải đến thế kỉ XX thì từ tiếng Anh mới du nhập vào tiếng Nga với số lượng lớn hơn và có ở rất nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, kĩ thuật, thể thao, ... (như: *бойкот, лидер, митинг, тоннель, троллейбус, волейбол, футбол, баскетбол, спорт, хоккей, финиш, бифитекс, кекс, пудинг*, ...). Đặc biệt, vào cuối những năm 90 của thế kỉ XX, sự du nhập các từ tiếng Anh vào tiếng Nga càng phổ biến rộng rãi hơn, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị của xã hội Nga. Sự du nhập tiếng Anh vào tiếng Nga cuối thế kỉ XX liên quan tới rất nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như: trong lĩnh vực kĩ thuật (*компьютер, дисплей, файл, байт*, ...), trong thể thao (*бобслей, овертайм, файтер*, ...), trong tài chính và thương mại (*бартер, брокер, дилер, дистрибьютер, лизинг*, ...), trong nghệ thuật (*римейк, ток-шоу, андеграунд, триллер*,...), trong đời sống chính trị-xã hội (*брифинг, рейтинг, импичмент, лобби*),... Hiện tượng này cũng dễ giải thích: sự phát triển như vũ bão của khoa học thông tin đòi hỏi hệ thống thuật ngữ mới dẫn đến việc vay mượn nhiều thuật ngữ mới từ tiếng Anh (sau này có cả tiếng Mĩ). Sự sụp đổ của chế độ Xô Viết tại nước Nga làm đảo lộn nhiều mặt trong đời sống xã hội-chính trị, kinh tế, văn hóa... kéo theo

những biến đổi trong ngôn ngữ, rõ nét nhất vẫn là từ vựng. Theo nhận định của Kostomorop, hiện tượng trên là nét đặc trưng cơ bản nhất. Ở đây có cả nguyên nhân chủ quan lẫn nguyên nhân khách quan. Nguyên nhân khách quan là công nghệ tin học phát triển mạnh nên tiếng Anh-Mĩ chiếm lợi thế rõ rệt. Chế độ Xô Viết sụp đổ, kéo theo sự thay đổi căn bản trong hệ thống chính trị-xã hội, quan hệ sản xuất, thiết chế xã hội, tổ chức hành chính, văn hóa, giáo dục,... Về mặt chủ quan, cũng theo Kostomorop, một số lớn người Nga, nhất là thanh niên hướng sang Âu-Mĩ, cho đó là cuộc sống lí tưởng, phồn vinh. Họ học đòi cách sống phương Tây, kể cả trong ngôn ngữ, vay mượn cả những từ không đáng vay mượn. Thực ra đó chỉ là cái một của thời đại. Hiện tượng này xảy ra không chỉ đối với nước Nga mà còn đối với rất nhiều nước khác trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

Không chỉ có từ vựng du nhập vào tiếng Nga mà còn có cả yếu tố tạo từ cũng du nhập vào tiếng Nga như tiền tố *a-*, *анти-*, *архи-* từ tiếng Hi Lạp: *аполитичный, антихудожественный*; hậu tố *-ист, -изм, -ер, -про(вать)*, từ tiếng Tây Âu: *очеркист, большевизм, ухадер, военизировать*, ...

3. Cách thức sử dụng các từ ngữ vay mượn trong xã hội Nga hiện nay khá đa dạng, dường như không theo một quy tắc chuẩn mực nào. Đó có thể là những từ vay mượn mà về hình thức được chuyển hoàn toàn sang văn tự Nga. Hầu hết đó là những từ vay mượn từ tiếng Anh-Mĩ thuộc nhiều lĩnh vực, trong đó phổ biến nhất là trong khoa học, thông tin, kinh tế, thể thao, ... Ví dụ: *ваучер* (*vayucher*); *хаккер/хакер* (*hacker*); *бизнес* (*business*); *бизнесмен* (*businessman*); *дефолт* (*default*); *маркетинг* (*marketing*); *менеджер* (*manager*); *менеджмент* (*management*); *промоушн* (*promotion*);

бадминтон (badminton); *баскетбол* (basketball); *бейсбол* (baseball); *бокс* (boxing); *волейбол* (volleyball); *гандбол* (handball); *гейм* (game); *гол* (goal); ...Đó cũng có thể là những từ vay mượn nhưng thay thế hoàn toàn các từ thuần Nga: *шоу* (show); *шоп* (shop); *шопинг* (shopping); *офис* (office); *спонсор* (sponsor); *блог* (blog); *блогер* (blogger); *веб* (web); *интернет* (internet); *интерфейс* (interface); *лэптоп* (laptop); *онлайн* (online); *офлайн* (offline); *софтвар* (software); *спам* (spam); *файл* (file); *хай-тек* (hi-tech); *телефон* (telephone); *мобильфон* (mobilephone); ...Đó có thể là sự kết hợp giữa vay mượn nguyên cả văn tự Latinh (của tiếng Anh-Mĩ), ví dụ: *CD – compact disk*; *CD ROM*; *conture*, *hardware*, *hi-tech*, *internet*, *laptop*, *off-line*, *on-line*, v.v. Đó cũng có thể là sự kết hợp văn tự Latinh và Nga trong vay mượn từ mới: *IBM-совместимость*; *PR-агентство*; *PR-кампания*; *VIP-гость*; *VIP-звезда*; *VIP-клиент*; *VIP-персона*; *Web-издатель*; *Web-страница*; ...

Sự vay mượn từ có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài là một quá trình tất yếu, nhất là ngày nay khi chúng ta đang sống trong thời đại hòa nhập và hội nhập, thế giới và trái đất đã trở thành ngôi nhà chung. Từ vay mượn xuất hiện quá nhiều, chủ yếu là những từ có nguồn gốc tiếng Anh-Mĩ, một thứ tiếng đang được thịnh hành và là “mốt” trên thế giới. Những từ này “mốt” tới mức đôi khi thay thế cho cả những từ cũng là từ vay mượn, có nghĩa tương đương đã được dùng trước đó, ví dụ: *бутерброт* (gốc Đức: *bánh xén-uych*); *лозунг* (gốc Đức: *khẩu hiệu*); *экран* (gốc Pháp: *màn hình*), ... Khuynh hướng “sính ngoại” còn được thể hiện rất rõ khi giờ đây người ta thích dùng từ *шоп* (shop) hơn là từ *магазин* (cửa hàng) và một loạt những từ

liên quan đến siêu thị như: *супершоп* (supershop), *супермакет* (supermarket), *шопинг* (shopping); *кемпинг* (camping); *дансинг* (dancing); *(single)*; *соунд* (sound); *бизнес* (business); *дизайнер* (designer); *маркетинг* (marketing); *киллер* (killer); *спонсор* (sponsor); *сервис* (service) ...

Tuy nhiên, từ góc độ của người học và nghiên cứu về tiếng Nga sự vay mượn, du nhập quá mức cần thiết đôi khi lại gây khó hiểu, hiểu nhầm. Ví dụ: *Time-share* (*таймшер*) là loại nhà nghỉ sử dụng chung. Thời gian sử dụng nhà nghỉ được chia cho một số người có nhu cầu và từng người tự trả tiền cho thời gian sử dụng của mình trước thời hạn. Từ từ này người ta cấu tạo danh từ chỉ người *таймшерер*. Một số từ sau khi du nhập vào tiếng Nga được dùng để cấu tạo từ cùng gốc như *drink* = *дринк* - *выдринкать*, *ring* = *ринг* - *рингать*, *look* = *лук* - *лукать*, *black* = *блок* - *блоковый*, *old* = *олд* - *олдовый* ... Đối với những từ vay mượn này thì hoàn toàn gây khó hiểu đối với người học và nghiên cứu tiếng Nga.

Ở một số trường hợp khác, sự vay mượn từ tiếng Anh vào tiếng Nga còn gây ra sự hiểu nhầm đối với chính bản thân người bản ngữ, đặc biệt là những người già hoặc những người không biết tiếng Anh. Đó là trường hợp một số từ, tập hợp từ khi phiên âm sang tiếng Nga trùng với từ có sẵn trong tiếng Nga gây ra sự nhầm lẫn. Ví dụ: *бой* (*boy* = *парень*: *chàng trai*) và *бой*: *trận đánh*. Một số từ vay mượn khác đọc theo âm tiếng Nga nên cho dù có giỏi tiếng Anh, người Việt cũng khó có thể biết đó là từ nào. Ví dụ: *ваиф* (*wile* = *người vợ*); *пипл* (*people* = *nhân dân*, *người dân*); *бойфренд* (*boyfriend* = *bạn trai*); *ботл* (*bottle* = *chai*, *lọ*); *сейшн* (*section* = *nhóm*, *khu*, *phần thực hành của giáo trình* ...); *тинейджер* (*teenager* = *trẻ vị*

thành niên); *ваутовый* (*white* = màu trắng) ... Đối với những trường hợp này người đọc cảm thấy vô cùng khó khăn vì một lúc phải làm quá nhiều công đoạn: đôi khi không phát hiện đó có phải là từ vay mượn hay không, nếu đúng là từ vay mượn thì vừa phải đoán xem từ đó, tiếng nước ngoài là gì, nghĩa của nó dùng trong trường hợp này thế nào, v.v..

4. Trong xu thế toàn cầu hóa như hiện nay, việc sử dụng từ vay mượn càng đóng vai trò quan trọng. Theo đó, đây là cả một nội dung khoa học lớn. Bài báo viết nhỏ này mới chỉ dừng lại ở việc cố gắng nhận diện những đặc điểm cơ bản về nguồn gốc, đưa ra một số trường hợp về cách thức sử dụng từ vay mượn trong đời sống xã hội Nga hiện đại và những hệ quả của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Новейший словарь иностранных слов и выражений*. – М.: ООО “Издательство АСТ”, Мн.: Харвест, 2002.
2. *Словарь иностранных слов* (1980), *Издательство «Русский язык»*. Москва.
3. Виноградов В.В (1934), *Очерки по истории русского языка XVII – XIX вв.* Москва.
4. Nguyễn Văn Khang (2012; tái bản có sửa chữa, bổ sung), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. NXB hợp TP HCM .
5. Bùi Hiền (2003), *Sự phát triển của vốn từ vựng tiếng Nga cuối thế kỉ XX*. Tạp chí “Ngôn ngữ và đời sống”. Số 5 (91).
6. Nguyễn Ngọc Hùng (2004), *Những biến đổi từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Nga trong những thập niên cuối thế kỉ XX*. Tạp chí “Khoa học ngoại ngữ” (Trường Đại học Hà Nội). Số 1/20104.